Chi tiết mã HS 9701.21.00

Mã HS	9701.21.00
Mô tả hàng hóa	Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu, được vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và trừ các tác phẩm vẽ hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép, tranh khảm và phù điêu trang trí tương tự / - Có tuổi trên 100 năm: / - - Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 17:25:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/97012100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19025
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19025
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19025
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18289
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18218
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18218
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18218
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18218
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18218
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18218
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18274
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18274
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18274
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18274

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18274
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18274
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18275
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18275
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18275
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18275
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18275
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18275
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18280
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18237
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18232
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18232
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18232
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18232
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18232
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18232
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18280
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18280
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18280
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18280
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18280
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18280
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18344
VCFTA	2023	2023	5	VC!E18344
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18344
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18344

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18344
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18344
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18318
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18318
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18318
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18318
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18318
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18318
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1082
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1082
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D18311
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E18311
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F18311
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G18311
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H18311
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18311
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18341
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18341
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18341
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18341
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18341
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18341
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18340
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18340
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18340
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18340

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18340
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18340
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18434
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18434
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18434
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18434
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18434
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18434
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18434
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18305
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18305
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18305
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18305
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18305
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18305
RCEP B	2022	2022	0	B!D18305
RCEP B	2023	2023	0	B!E18305
RCEP B	2024	2024	0	B!F18305
RCEP B	2025	2025	0	B!G18305
RCEP B	2026	2026	0	B!H18305
RCEP B	2027	2027	0	B!I18305
RCEP C	2022	2022	0	C!D18303
RCEP C	2023	2023	0	C!E18303
RCEP C	2024	2024	0	C!F18303
RCEP C	2025	2025	0	C!G18303
RCEP C	2026	2026	0	C!H18303

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18303
RCEP D	2022	2022	0	D!D18302
RCEP D	2023	2023	0	D!E18302
RCEP D	2024	2024	0	D!F18302
RCEP D	2025	2025	0	D!G18302
RCEP D	2026	2026	0	D!H18302
RCEP D	2027	2027	0	D!I18302
RCEP E	2022	2022	0	E!D18307
RCEP E	2023	2023	0	E!E18307
RCEP E	2024	2024	0	E!F18307
RCEP E	2025	2025	0	E!G18307
RCEP E	2026	2026	0	E!H18307
RCEP E	2027	2027	0	E!I18307
RCEP F	2022	2022	0	F!D18305
RCEP F	2023	2023	0	F!E18305
RCEP F	2024	2024	0	F!F18305
RCEP F	2025	2025	0	F!G18305
RCEP F	2026	2026	0	F!H18305
RCEP F	2027	2027	0	F!I18305
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F17155
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G17155
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H17155
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I17155

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9701.21.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9701.21.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9701.21.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9701.21.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19025), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.